

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Văn Hồng Mến

2. Ông Nguyễn Đình Cường

Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Bà Dương Thị Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc: “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã H, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2022, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 01 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn P cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là thị trấn C), huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, Quyền số 01/2000, ngày 10 tháng 4 năm 2000. Sau khi cưới vợ chồng chung sống không hòa thuận

hạnh phúc, do ông P thường xuyên uống rượu không quan tâm vợ con, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Người thân trong gia đình hòa giải nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả, đã ly thân từ đầu năm 2012 đến nay. Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm V, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1993; Nguyễn Văn D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1994, đã thành niên, sức khỏe bình thường, hiện nay đã lập gia đình riêng không còn chung sống cùng bà T, ông P.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Đã thành niên, sức khỏe bình thường, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do bận đi làm nên không có thời gian tham dự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về trình tự thủ tục giải quyết vụ án, việc tuân thủ quy định pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng là đúng quy định; tóm tắt nội dung vụ án, nhận định và đánh giá chứng cứ. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T; xử cho bà T được ly hôn với ông P; các con chung của bà T, ông P đã thành niên, sức khỏe bình thường và không có yêu cầu, nên miễn xét; về tài sản, nợ không có yêu cầu, nên miễn xét; bà T phải chịu án phí theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông P biết việc Tòa án thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà T, nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến, vắng mặt phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01 tháng 6 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư

trú tại huyện Mang Thít. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông P vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Hôm nay xét xử lần 2, mặc dù đã tổng đạt giao văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông P tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông P cưới nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y (nay là thị trấn C), huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, Quyền số 01/2000, ngày 10 tháng 4 năm 2000 là hôn nhân hợp pháp, được công nhận là vợ chồng.

Xét, bà T cho rằng sau khi cưới vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc, do ông P không quan tâm vợ con, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau. Người thân trong gia đình hòa giải nhắc nhở nhiều lần nhưng không có kết quả, đã ly thân từ đầu năm 2012 đến nay. Trong quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án ông P không tham gia hòa giải, xét xử, không có văn bản trình bày ý kiến, thời gian ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm qua lại với nhau. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà T với ông P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, các con của bà T, ông P là chị Nguyễn Thị Diễm V, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1993; Nguyễn Văn D, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1994 đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Các con của nguyên đơn Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn P đã thành niên, sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, lai số: N^o 0007072, ngày 26 tháng 4 năm 2022, nên không phải nộp thêm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT C;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc